

(Mẫu kèm theo quyết định số... ĐHSP TDTT ngày....tháng...../20)

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN CHI TIẾT
(Dành cho các học phần dạy học theo hình thức thông thường)
HỌC PHẦN: GIAO TIẾP SƯ PHẠM
COMMUNICATION PEDAGOGY

1. Thông tin tổng quát:

1.1. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1: **TRƯƠNG THANH CHÍ**

Học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận Chính trị và Nghiệp vụ sư phạm, trường ĐHSP
TDTT Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại, email: chitt@upes.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính: Tâm lý học đường

Giảng viên 2: **NGUYỄN NGỌC MINH**

Học hàm, học vị: Giảng viên, thạc sỹ

Địa chỉ liên hệ: Khoa Lý luận Chính trị và Nghiệp vụ sư phạm, trường ĐHSP
TDTT Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại, email: minhnn@upes.edu.vn

Các hướng nghiên cứu chính:

1.2. Thông tin về học phần:

- Tên học phần (tiếng Việt):	GIAO TIẾP SƯ PHẠM
(tiếng Anh):	COMMUNICATION PEDAGOGY
- Mã số học phần:	DHGTS0662
- Thuộc CTĐT ngành:	Giáo dục thể chất
- Thuộc khối kiến thức/kỹ năng:	
☐ Kiến thức cơ bản	☐ Học phần thay thế tốt nghiệp
☒ Kiến thức cơ sở ngành	☐ Học phần dạy học theo hình thức dự án/đồ án
☐ Kiến thức ngành	☐ Kiến thức khác
- Thuộc loại học phần:	☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
- Số tín chỉ: 2	
+ Số tiết lý thuyết:	30
+ Số tiết thực hành:	0
+ Số tiết tự học:	60
- Điều kiện đăng ký học:	
+ Học phần tiên quyết:	Mã số HP:
+ Học phần học trước:	Mã số HP:
- Yêu cầu của học phần:	
o Sinh viên phải tích cực tham gia các buổi học.	

- Bộ môn phụ trách học phân: Bộ môn Nghiệp vụ sư phạm, Khoa LLCT & NVSP
Điện thoại: Email:

Học phần Giao tiếp sư phạm trang bị những kiến thức cơ bản về khoa học Giao tiếp và Giao tiếp sư phạm, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp trong chuyên ngành sư phạm, kỹ năng xử lý tình huống sư phạm, thông qua đó hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn giảng dạy và huấn luyện của học viên sau khi tốt nghiệp

- Trang bị kiến thức về khoa học giao tiếp và giao tiếp sư phạm, kỹ năng xử lý tình huống trong dạy học và giáo dục.
- củng cố kiến thức tâm lý học và giáo dục học, nâng cao kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý - giáo dục vào quá trình dạy học.
- Nâng cao kiến thức giao tiếp và kỹ năng thực hành giải quyết tình huống trong giao tiếp sư phạm

4.1. Ảnh xạ chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

2

4.2. Nội dung chuẩn đầu ra, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá học phần

CĐR học phần (DHGTS0662)	Mức độ năng lực CĐR học phần	Mô tả CĐR học phần	Phương pháp dạy học	Phương pháp đánh giá
CLO1.1	K4	Hiểu biết kiến thức đại cương về bản chất của hoạt động giao tiếp và giao tiếp sư phạm.	Thuyết giảng, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm.	Câu hỏi kiểm tra, bài tập.
CLO1.2	K4	Biết cách xử lý tình huống về giao tiếp và ứng xử trong giao tiếp sư phạm; đánh giá được các tình huống đã được xử lý.	Thuyết giảng, vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm.	Câu hỏi kiểm tra, bài tập.
CLO2.1	S2	Có khả năng xử lý tình huống về giao tiếp và ứng xử trong giao tiếp sư phạm; đánh giá được các tình huống sư phạm đã được xử lý.	Thuyết giảng, vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm.	Câu hỏi kiểm tra, bài tập.
CLO2.2	S2	Nhận biết được chiều hướng của tình huống trong giao tiếp sư phạm đang xảy ra để xử lý tình huống theo định hướng giáo dục; đánh giá được các tình huống sư phạm đã được xử lý.	Thuyết giảng, vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm.	Câu hỏi kiểm tra, bài tập.
CLO3.1	A4	Ý thức được vấn đề xử lý tình huống sư phạm phải luôn hướng đến giáo dục nhân cách cho người học	Thuyết giảng, vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm.	Câu hỏi kiểm tra, bài tập.
CLO3.2	C4	Vận dụng kiến thức giao tiếp sư phạm vào cuộc sống và thực tiễn dạy học để đạt được mục đích giáo dục nhân cách người học.	Thuyết giảng, vấn đáp, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm.	Câu hỏi kiểm tra, bài tập.

5. Đánh giá học tập và các bộ tiêu chí đánh giá

5.1. Đánh giá học tập

Bài đánh giá	CĐR học phần	Hình thức đánh giá và lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá quá trình				40%
A1.1		Chuyên cần	Sổ điểm danh, mức độ tham gia của sinh trong giờ học	20%
A1.2		Kiểm tra	Câu hỏi , bài tập kiểm tra	20%
A2. Đánh giá cuối kỳ				60%
A2.1		Đánh giá thông qua bài thi	Câu hỏi thi	60%
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1.1 \times 0.2) + (A1.2 \times 0.2) + (A2.1 \times 0.6)$ (Điểm A1.1, A1.2, A2.1 và điểm tổng kết làm tròn đến 01 chữ số thập phân)				

5.2. Các bộ tiêu chí đánh giá

Bảng 1. Rubric 1 đánh giá chuyên cần (GV đánh giá) (A1.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	5 điểm			
Mức độ tham dự học theo TKB (5 điểm)	- Vắng không phép: vắng 1 tiết trừ 1,0 điểm - Vắng có phép: vắng 1 tiết trừ 0,50 điểm. - Không trừ điểm đối với các trường hợp vắng do nhà trường cử đi công tác, bị bệnh đang nằm điều trị theo chỉ dẫn của Bác sỹ. - Đến lớp trễ quá 15 phút xem như vắng không phép.			
Mức độ tham gia các hoạt động học tập (5 điểm)	5.0 – 4.0	3.0	2.0	1.0 – 0,0
	- Thể hiện tính kỉ luật, chủ động, tích cực trong giờ học. - Hoàn thành đầy đủ bài tập, trả lời tốt các câu hỏi hoặc đưa ra được các câu hỏi/vấn đề trong quá trình học tập.	- Thể hiện tính kỉ luật, khá chủ động, khá tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 80% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	- Thể hiện tính kỉ luật, nhưng chưa chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành 50% các bài tập, có tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.	- Không có tính kỉ luật, không chủ động, tích cực trong các giờ học. - Hoàn thành dưới 50% các bài tập, không tham gia trả lời các câu hỏi trong quá trình học tập.
TỔNG ĐIỂM: 10 (Bằng chữ: Mười)				

Bảng 2. Rubric 2 đánh giá kiểm tra (Dành cho GV đánh giá) A1.2

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Hình thức của bài kiểm tra (2 điểm)	- Cấu trúc bài kiểm tra, ảnh và bảng đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp và phù hợp	- Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh họa nhưng chưa thực sự phù hợp	- Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp	- Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bài kiểm tra (8 điểm)	- Trình bày đúng tất cả nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét - Ngôn ngữ khoa học, diễn đạt rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề	- Trình bày đúng từ ½ trở lên các nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác - Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề	- Trình bày đúng ít hơn ½ các kết quả nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác - Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt chưa rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề,	- Trình bày sai kết quả nhiều nội dung của nội dung của bài kiểm tra - Chưa biết cách sử dụng ngôn ngữ khoa học và diễn đạt vấn đề
TỔNG ĐIỂM: 10 (bằng chữ Mười)				

5.2.2. Bộ tiêu chí đánh giá cuối kỳ

Bảng 3. Rubric 3 đánh giá bài thi học phần (Bài đánh giá A2.1)

Tiêu chí	Mức độ (theo thang điểm)			
	2.0	1.5	1.0	0.5 - 0
Hình thức của bài kiểm tra (2 điểm)	- Cấu trúc bài kiểm tra, ảnh và bảng đúng quy định, hình thức trình bày khoa học, hợp lý, đẹp và phù hợp	- Cấu trúc đúng quy định, hình thức trình bày khá khoa học, hợp lý và khá đẹp, có hình ảnh minh họa nhưng chưa thực sự phù hợp	- Cấu trúc chưa thực sự đúng quy định, hình thức trình bày chưa hợp lý và chưa đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp	- Cấu trúc không đúng quy định, hình thức trình bày không hợp lý và không đẹp, không có hình minh họa hoặc có nhưng không phù hợp.
	8.0 – 7.0	6.0 - 5.0	4.0 – 3.0	2.0 - 0
Nội dung bài kiểm tra (8 điểm)	- Trình bày đúng tất cả nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét - Ngôn ngữ khoa học, diễn đạt rõ ràng	- Trình bày đúng từ ½ trở lên các nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác	- Trình bày đúng ít hơn ½ các kết quả nội dung của bài kiểm tra - Có phân tích, nhận xét kết quả chính xác	- Trình bày sai kết quả nhiều nội dung của nội dung của bài kiểm tra - Chưa biết cách sử dụng ngôn ngữ khoa học và diễn

	ràng thể hiện hiểu vấn đề	- Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề	- Ngôn ngữ chưa khoa học, diễn đạt chưa rõ ràng thể hiện hiểu vấn đề,	đạt vấn đề
TỔNG ĐIỂM: 10 (bằng chữ Mười)				

6. Tài liệu học tập

6.1. Giáo trình: Đỗ Vĩnh (chủ biên) (2006), Giáo trình Giao tiếp sư phạm, Nxb TĐTT

6.2. Tài liệu tham khảo:

1. Ngô Công Hoàn (2004), Những trắc nghiệm tâm lý, Nxb ĐHSP
2. Ngô Công Hoàn (2000), Giáo trình Giao tiếp sư phạm, Nxb GD
3. Trịnh Trúc Lâm, Nguyễn Văn Hộ, Ứng xử sư phạm, Nxb ĐHQG HN
4. Nguyễn Văn Lê (1999), Nhập môn khoa học giao tiếp, Nxb GD
5. Nguyễn Văn Lê (1995), Sự giao tiếp sư phạm, Nxb Giáo dục
6. Nguyễn Văn Lê (2001), Ứng xử sư phạm, Nxb Giáo dục

7. Kế hoạch dạy học

Số tiết	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học	Yêu cầu sinh viên chuẩn bị	Kết quả cần đạt được	CĐR học phần	Bài đánh giá
	PHẦN I: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ SƯ PHẠM					
2t	Chương 1: Bản chất của Giao tiếp và Giao tiếp sư phạm trong tâm lý học	Thuyết giảng, thảo luận, vấn đáp	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận.	K4	CLO1.1	A1.1 A.1.2 A2.1
2t	Chương 2: Các giai đoạn của quá trình giao tiếp và giao tiếp sư phạm	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên.	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	A1.1 A.1.2 A2.1
2t	Chương 3: Phương tiện giao tiếp và giao tiếp sư phạm	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu	K4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2	A1.1 A.1.2 A2.1

		và giám sát việc tự học của sinh viên	tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.			
2t	Chương 4: Nguyên tắc giao tiếp và ứng xử sư phạm	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên.	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4	CLO1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1
2t	Chương 5: Phong cách giao tiếp và ứng xử sư phạm	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên.	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1
2t	Chương 6: Kỹ năng giao tiếp và ứng xử sư phạm	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên.	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1
	PHẦN II: THỰC HÀNH KỸ NĂNG GIAO TIẾP VÀ ỨNG XỬ SƯ PHẠM					
	7. Kỹ năng xử lý tình huống trong giao tiếp và ứng xử sư phạm					
2t	7.1. Kỹ năng xử lý tình huống trong giờ giảng dạy	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu	K4, S2, A4, C4	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1

		và giám sát việc tự học của sinh viên.	tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.			
2t	7.2. Kỹ năng xử lý tình huống trong công tác chủ nhiệm	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên.	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4, S2, A4, C4	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1
2t	7.3. Kỹ năng xử lý tình huống trong tiếp xúc với phụ huynh học sinh	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên.	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4, S2, A4, C4	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1
2t	Tổng hợp kỹ năng xử lý tình huống sư phạm trong giao tiếp và ứng xử sư phạm	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4, S2, A4, C4	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1
	8. Kỹ năng đánh giá các tình huống trong giao tiếp và ứng xử sư phạm đã được xử lý					
2t	8.1. Kỹ năng đánh giá tình huống trong giờ giảng dạy	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	Nghiên cứu tài liệu; Chủ động tìm tài liệu tham khảo liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4, S2, A4, C4	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1

2t	8.2. Kỹ năng đánh giá tình huống trong công tác chủ nhiệm	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4, S2, A4, C4	CLO1.2 CLO2.2 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1
2t	8.3. Kỹ năng đánh giá tình huống trong tiếp xúc với phụ huynh học sinh	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên.	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4, S2, A4, C4	CLO1.2 CLO3.1 CLO3.2	A1.1 A.1.2 A2.1
2t	Tổng hợp kỹ năng đánh giá tình huống sự phạm trong giao tiếp và ứng xử sự phạm	Thuyết giảng, thảo luận, thuyết trình; Hướng dẫn và giám sát việc tự học của sinh viên.	Nghiên cứu tài liệu, bài giảng; Chủ động tìm các tài liệu tham khảo có liên quan; Thảo luận, hoàn thành bài tập.	K4, S2, A4, C4	CLO1.2 CLO3.1	A1.1 A.1.2 A2.1
2t	Kiểm tra kết thúc học phần		Sinh viên làm bài thi	K4, S2, A4, C4	CLO1.2 CLO3.1	A1.1 A.1.2 A2.1

8. Ngày phê duyệt:

9. Cấp phê duyệt:

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA/BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN

Trương Thanh Chí